TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2019
V/v: Không công nhận vợ chồng giữa ông V và bà T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thủy

Bà Huỳnh Thị Thuận

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hữu V, sinh năm: 1964, "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn 1 xã S, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

Địa chỉ: 1185 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Hữu V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nào năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gỗ với nhau, không còn hạnh phúc, do vậy vợ chồng sống ly thân từ hơn 01 năm nay. Nay, ông V nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa ông V và bà T không phải là quan hệ vợ chồng.

-Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông V xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. *Tại bản khai bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Bà T thống nhất như lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông V trình bày không đúng, theo bà T thì nguyên nhân là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường bỏ bê gia đình, không quan tâm đến bà T, ngoài ra còn hay kiếm chuyện gây gỗ, chửi mắng bà T làm cho cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc. Đến tháng 3/2019 ông V tự bỏ đi về nhà cha mẹ ở xã S sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, bà T đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu V yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông V và bà T. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông V và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, dù ông V và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông V và bà T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà T xác định không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Bà T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí:

- Ông Trần Hữu V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số: TU/2017/0009621 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông V đã nộp đủ tiền án phí.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung